

Số: 12 /2018/QĐ-UBND

Yên Bái, ngày 08 tháng 8 năm 2018



QUYẾT ĐỊNH

Ban hành quy định về đấu giá quyền sử dụng đất để giao đất có thu tiền sử dụng đất hoặc cho thuê đất trên địa bàn tỉnh Yên Bái

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH YÊN BÁI

- Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;
Căn cứ Luật Đấu giá tài sản ngày 17 tháng 11 năm 2016;
Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017;
Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;
Căn cứ Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về giá đất;
Căn cứ Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất;
Căn cứ Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;
Căn cứ Nghị định số 34/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;
Căn cứ Nghị định số 135/2016/NĐ-CP ngày 09 tháng 9 năm 2016 của Chính phủ quy định về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định về thu tiền sử dụng đất, thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;
Căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;
Căn cứ Nghị định số 62/2017/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu giá tài sản;

Căn cứ Nghị định số 123/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

Căn cứ Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất;

Căn cứ Thông tư số 76/2014/TT-BTC ngày 16 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất;

Căn cứ Thông tư số 77/2014/TT-BTC ngày 16 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 14/2015/TTLT-BTNMT-BTP ngày 04 tháng 04 năm 2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Tư pháp quy định việc tổ chức thực hiện đấu giá QSDĐ để giao đất có thu tiền sử dụng đất hoặc cho thuê đất;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 88/2016/TTLT-BTC-BTNMT ngày 22 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ và trình tự thủ tục tiếp nhận, luân chuyển hồ sơ xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai của người sử dụng đất;

Căn cứ Thông tư số 332/2016/TT-BTC ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 76/2014/TT-BTC ngày 16 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất;

Căn cứ Thông tư số 333/2016/TT-BTC ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 77/2014/TT-BTC ngày 16 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

Căn cứ Thông tư số 45/2017/TT-BTC ngày 12 tháng 5 năm 2017 của Bộ Tài chính quy định khung thù lao dịch vụ đấu giá tài sản theo quy định tại Luật Đấu giá tài sản;

Căn cứ Thông tư số 48/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 5 năm 2017 của Bộ Tài chính về quy định chế độ tài chính trong hoạt động bán đấu giá tài sản,

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp tại Tờ trình số 39/TTr-STP ngày 21 tháng 6 năm 2018,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về đấu giá quyền sử dụng đất để giao đất có thu tiền sử dụng đất hoặc cho thuê đất trên địa bàn tỉnh Yên Bái.

Điều 2. Bãi bỏ Quyết định số 10/2014/QĐ-UBND ngày 18 tháng 7 năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái về việc ban hành Quy định về đấu giá tài sản trên địa bàn tỉnh Yên Bái.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể ngày 20 tháng 8 năm 2018.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các Sở, Ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận: *tu*

- Chính phủ;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Tư pháp;
- Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Như Điều 4;
- Báo Yên Bái, Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Chánh, Phó VP (đ.c Yên) UBND tỉnh;
- Lưu: VT, TNMT, NC.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Đỗ Đức Duy
Đỗ Đức Duy

QUY ĐỊNH

**Đấu giá quyền sử dụng đất để giao đất có thu tiền sử dụng đất
hoặc cho thuê đất trên địa bàn tỉnh Yên Bái**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 12 /2018/QĐ-UBND ngày 08 tháng 8 năm 2018
của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái)*

CHƯƠNG I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định việc đấu giá quyền sử dụng đất để giao đất có thu tiền sử dụng đất hoặc cho thuê đất trong các trường hợp quy định tại Khoản 1 Điều 118 Luật Đất đai trên địa bàn tỉnh Yên Bái (sau đây viết tắt là đấu giá QSDĐ).

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao đất hoặc cho thuê đất theo hình thức đấu giá QSDĐ; đơn vị tổ chức thực hiện việc đấu giá QSDĐ; tổ chức thực hiện cuộc đấu giá QSDĐ.

2. Các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân tham gia đấu giá QSDĐ; các tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động đấu giá QSDĐ.

Điều 3. Đơn vị tổ chức thực hiện việc đấu giá QSDĐ và tổ chức đấu giá QSDĐ

1. Đơn vị tổ chức thực hiện việc đấu giá QSDĐ gồm:

- a) Cơ quan được giao quản lý quỹ đất;
- b) Các cơ quan, tổ chức khác được Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền giao tổ chức thực hiện việc đấu giá QSDĐ.

2. Tổ chức đấu giá QSDĐ gồm:

- a) Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản;
- b) Doanh nghiệp đấu giá tài sản.

Điều 4. Các trường hợp đấu giá QSDĐ; quỹ đất được sử dụng để đấu giá QSDĐ

1. Đấu giá quyền sử dụng đất trong các trường hợp được Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất, cho thuê đất theo quy định của pháp luật đất đai, bao gồm:

- a) Đầu tư xây dựng nhà ở để bán hoặc cho thuê hoặc cho thuê mua;
- b) Đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng để chuyển nhượng hoặc cho thuê;
- c) Sử dụng quỹ đất để tạo vốn cho đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng;
- d) Sử dụng đất thương mại, dịch vụ; đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp;
- đ) Cho thuê đất thuộc quỹ đất nông nghiệp sử dụng vào mục đích công ích để sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản;
- e) Giao đất, cho thuê đất đối với đất Nhà nước thu hồi do sắp xếp lại, xử lý trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, cơ sở sản xuất, kinh doanh mà tài sản gắn liền với đất thuộc sở hữu nhà nước;
- g) Giao đất ở tại đô thị, nông thôn cho hộ gia đình, cá nhân.

2. Quỹ đất được sử dụng để đấu giá QSDĐ gồm các quỹ đất quy định tại Điều 4 Thông tư liên tịch số 14/2015/TTLT-BTNMT-BTP ngày 04 tháng 04 năm 2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Tư pháp quy định việc tổ chức thực hiện đấu giá quyền sử dụng đất để giao đất có thu tiền sử dụng đất hoặc cho thuê đất, bao gồm:

a) Đất Nhà nước thu hồi để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng theo quy định tại Điều 62 của Luật Đất đai; thu hồi do vi phạm pháp luật về đất đai theo quy định tại Khoản 1 Điều 64 của Luật Đất đai; thu hồi do chấm dứt việc sử dụng đất theo pháp luật, tự nguyện trả lại đất theo quy định tại các Điểm a, b, c và d, Khoản 1, Điều 65 của Luật Đất đai;

b) Đất Nhà nước thu hồi do sắp xếp lại, xử lý trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, cơ sở sản xuất, kinh doanh mà tài sản gắn liền với đất thuộc sở hữu Nhà nước;

c) Đất do Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn; Tổ chức phát triển quỹ đất được giao quản lý mà Nhà nước chưa giao hoặc cho thuê để sử dụng theo quy định của pháp luật;

d) Đất do các tổ chức được giao để quản lý theo quy định tại Điểm b và Điểm c, Khoản 1, Điều 8 của Luật Đất đai được cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định giao, cho thuê để sử dụng theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Điều kiện để tổ chức thực hiện đấu giá QSDĐ

Việc tổ chức đấu giá QSDĐ được thực hiện khi có đủ các điều kiện quy định tại Khoản 1, Điều 119 Luật Đất đai, gồm:

1. Đã có kế hoạch sử dụng đất hàng năm của cấp huyện được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt;
2. Đất đã được giải phóng mặt bằng, đất có tài sản gắn liền với đất mà tài sản thuộc sở hữu nhà nước;
3. Có phương án đấu giá QSDĐ được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

Điều 6. Điều kiện tham gia đấu giá QSDĐ

1. Thuộc đối tượng được Nhà nước giao đất, cho thuê đất theo quy định tại Điều 55, Điều 56 Luật Đất đai; đối với trường hợp giao đất, cho thuê đất để thực hiện dự án đầu tư còn phải đảm bảo các điều kiện theo quy định tại Điều 58 Luật Đất đai và Điều 21 Luật Nhà ở.

2. Đối với mỗi thửa đất đấu giá: Một hộ gia đình chỉ được một cá nhân tham gia đấu giá; một tổ chức chỉ được một đơn vị tham gia đấu giá; có hai (2) doanh nghiệp trở lên thuộc cùng một Tổng Công ty thì chỉ được một Doanh nghiệp tham gia đấu giá; Tổng Công ty với Công ty thành viên, Công ty mẹ với Công ty con, Doanh nghiệp liên doanh với một bên góp vốn trong liên doanh thì chỉ được một Doanh nghiệp tham gia đấu giá.

3. Những trường hợp sau đây không được tham gia đấu giá theo quy định hiện hành gồm:

a) Người không có năng lực hành vi dân sự, người bị mất hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự, người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi hoặc người tại thời điểm đăng ký tham gia đấu giá không nhận thức, làm chủ được hành vi của mình;

b) Người làm việc trong tổ chức đấu giá tài sản thực hiện cuộc đấu giá; cha, mẹ, vợ, chồng, con, anh ruột, chị ruột, em ruột của đấu giá viên điều hành cuộc đấu giá; người trực tiếp giám định, định giá tài sản; cha, mẹ, vợ, chồng, con, anh ruột, chị ruột, em ruột của người trực tiếp giám định, định giá tài sản;

c) Người được ủy quyền xử lý tài sản, người có quyền quyết định bán tài sản, người ký hợp đồng dịch vụ đấu giá tài sản, người có quyền quyết định bán tài sản của người khác theo quy định của pháp luật;

d) Cha, mẹ, vợ, chồng, con, anh ruột, chị ruột, em ruột của người quy định tại Điều c Khoản này;

đ) Người không có quyền mua tài sản đấu giá theo quy định của pháp luật áp dụng đối với loại tài sản đó.

Điều 7. Đấu giá QSDD theo thủ tục rút gọn

Trường hợp đất đã được đưa ra đấu giá lần thứ hai nhưng vẫn không thành thì thực hiện đấu giá theo thủ tục rút gọn quy định tại Điều 53 Luật Đấu giá tài sản.

Điều 8. Hội đồng đấu giá QSDD

1. Hội đồng đấu giá QSDD chỉ được thành lập trong trường hợp không có tổ chức đấu giá tài sản nào đăng ký tổ chức thực hiện việc đấu giá hoặc không lựa chọn được tổ chức đấu giá tài sản.

2. Hội đồng đấu giá QSDD gồm: Chủ tịch Hội đồng là người có tài sản đấu giá hoặc người được ủy quyền; thành viên của Hội đồng là đại diện cơ quan Tài nguyên và Môi trường, Tài chính, Xây dựng, Tư pháp cùng cấp, đại diện cơ quan, tổ chức có liên quan theo quy định của pháp luật. Hội đồng đấu giá tài sản có thể ký hợp đồng với tổ chức đấu giá tài sản để cử đấu giá viên điều hành cuộc đấu giá.

Điều 9. Tiền sử dụng đất khi Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất, cho thuê đất thông qua hình thức đấu giá QSDD

1. Tiền sử dụng đất khi Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất, cho thuê đất thông qua hình thức đấu giá QSDD là số tiền trúng đấu giá.

Trường hợp đấu giá thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm thì đơn giá thuê đất là đơn giá trúng đấu giá của thời hạn một năm. Đơn giá trúng đấu giá được ổn định 10 năm, hết thời gian ổn định thực hiện điều chỉnh đơn giá thuê đất theo chính sách về thu tiền thuê đất đối với trường hợp thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm không thông qua hình thức đấu giá; mức điều chỉnh không vượt quá 30% đơn giá thuê đất trúng đấu giá hoặc đơn giá thuê đất của kỳ ổn định liền kề trước đó.

Trường hợp đấu giá thuê đất trả tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê thì đơn giá thuê đất là đơn giá trúng đấu giá của thời hạn thuê đất.

2. Không áp dụng miễn, giảm tiền sử dụng đất, tiền thuê đất trong trường hợp đấu giá QSDD để giao đất có thu tiền sử dụng đất, cho thuê đất đối với trường hợp người trúng đấu giá thuộc đối tượng được miễn, giảm tiền sử dụng đất, tiền thuê đất.

CHƯƠNG II
TRÌNH TỰ, THỦ TỤC TỔ CHỨC
THỰC HIỆN ĐẤU GIÁ QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT

Điều 10. Lập phương án đấu giá QSDĐ

1. Căn cứ Kế hoạch sử dụng đất hàng năm được phê duyệt, đơn vị được giao tổ chức thực hiện việc đấu giá QSDĐ quy định tại Khoản 1 Điều 3 Quy định này lập phương án đấu giá QSDĐ gửi cơ quan tài nguyên và môi trường cùng cấp thẩm định.

2. Phương án đấu giá QSDĐ bao gồm những nội dung chính sau đây:

a) Danh mục loại đất; vị trí; diện tích; mặt bằng thửa đất đã được san tạo theo quy hoạch được phê duyệt (trừ trường hợp đấu giá quyền sử dụng đất để lựa chọn chủ đầu tư theo Luật Nhà ở); hạ tầng kỹ thuật, tài sản gắn liền với các thửa đất đấu giá (nếu có);

b) Mục đích, hình thức (giao đất hoặc cho thuê đất), thời hạn sử dụng của các thửa đất khi đấu giá QSDĐ;

c) Dự kiến thời gian tổ chức thực hiện đấu giá các thửa đất;

d) Đối tượng và điều kiện được tham gia đấu giá; tiền mua hồ sơ tham gia đấu giá và tiền đặt trước khi tham gia đấu giá;

đ) Hình thức đấu giá, phương thức đấu giá được áp dụng;

e) Kinh phí, nguồn chi phí tổ chức thực hiện việc đấu giá;

g) Dự kiến giá trị thu được và đề xuất việc sử dụng nguồn thu từ kết quả đấu giá;

h) Lựa chọn tổ chức đấu giá hoặc đấu thầu rộng rãi để lựa chọn tổ chức đấu giá hoặc thành lập Hội đồng đấu giá QSDĐ theo quy định.

Điều 11. Phê duyệt phương án đấu giá QSDĐ

1. Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt phương án đấu giá QSDĐ đối với các quỹ đất thuộc thẩm quyền quản lý của tỉnh và các trường hợp đấu giá khác theo quy định của Luật Đất đai.

2. Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt phương án đấu giá QSDĐ đối với các quỹ đất thuộc thẩm quyền quản lý của cấp huyện, đất do cơ quan nhà nước cấp huyện được giao quản lý và các trường hợp đấu giá khác theo quy định của Luật Đất đai; phê duyệt phương án đấu giá QSDĐ để cho thuê đất do Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý.

Điều 12. Quyết định đấu giá QSDĐ

1. Chuẩn bị hồ sơ đấu giá QSDĐ

Căn cứ phương án đấu giá QSDĐ đã được phê duyệt, đơn vị được giao tổ chức thực hiện việc đấu giá QSDĐ chuẩn bị hồ sơ của các thửa đất đấu giá, gửi đến cơ quan tài nguyên và môi trường cùng cấp để thẩm định trước khi trình Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền quyết định đấu giá QSDĐ. Hồ sơ thửa đất đấu giá bao gồm:

- a) Tờ trình và dự thảo Quyết định đấu giá QSDĐ;
- b) Giấy tờ liên quan đến hiện trạng quản lý, sử dụng thửa đất đấu giá và hạ tầng kỹ thuật, tài sản gắn liền với thửa đất đấu giá (nếu có);
- c) Thông tin về quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất và quy hoạch xây dựng chi tiết liên quan đến thửa đất đấu giá được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt;
- d) Trích lục bản đồ địa chính hoặc trích đo địa chính thửa đất đấu giá trong trường hợp chưa có bản đồ địa chính;
- đ) Tên, địa chỉ của đơn vị tổ chức thực hiện việc đấu giá QSDĐ.

2. Quyết định đấu giá QSDĐ

Căn cứ hồ sơ thửa đất đấu giá do đơn vị tổ chức thực hiện việc đấu giá QSDĐ chuẩn bị và ý kiến thẩm định của cơ quan tài nguyên và môi trường, Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền quyết định đấu giá QSDĐ. Quyết định đấu giá QSDĐ được thể hiện bằng văn bản và có những nội dung chính sau đây:

- a) Căn cứ pháp lý để ban hành quyết định;
- b) Danh mục; vị trí; diện tích; mặt bằng thửa đất đã được san tạo theo quy hoạch được phê duyệt (trừ trường hợp đấu giá để thực hiện dự án đầu tư); hạ tầng kỹ thuật, tài sản gắn liền với thửa đất (nếu có), mục đích, hình thức và thời hạn sử dụng đất được quyết định đấu giá;
- c) Các thông tin về quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, quy hoạch xây dựng chi tiết đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt và các quy định khác có liên quan đến việc quản lý, sử dụng thửa đất được quyết định đấu giá;
- d) Tên, địa chỉ của đơn vị được giao tổ chức thực hiện việc đấu giá quyền sử dụng thửa đất;
- đ) Mức thu tiền bán hồ sơ cho người tham gia đấu giá, tiền đặt trước của người tham gia đấu giá.

Điều 13. Xác định giá khởi điểm

1. Giá khởi điểm trong trường hợp đấu giá QSDĐ để giao đất có thu tiền sử dụng đất được xác định như sau:

a) Trường hợp diện tích tính thu tiền sử dụng đất của thửa đất hoặc khu đất đấu giá có giá trị (tính theo giá đất trong Bảng giá đất) từ 10 tỷ đồng trở lên do Sở Tài nguyên và Môi trường xác định, chuyển cho Hội đồng thẩm định giá đất cụ thể của tỉnh do Sở Tài chính làm thường trực Hội đồng để tổ chức thẩm định và trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

b) Trường hợp diện tích tính thu tiền sử dụng đất của thửa đất hoặc khu đất đấu giá có giá trị (tính theo giá đất trong Bảng giá đất) dưới 10 tỷ đồng là giá đất cụ thể do cơ quan tài chính xác định theo phương pháp hệ số điều chỉnh giá đất, trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

2. Giá khởi điểm trong trường hợp đấu giá QSDĐ để cho thuê được xác định như sau:

a) Trường hợp đấu giá QSDĐ thuê trả tiền thuê đất hàng năm, giá khởi điểm để đấu giá QSDĐ thuê trả tiền thuê đất hàng năm là đơn giá thuê đất trả tiền hàng năm do cơ quan tài chính xác định theo phương pháp hệ số điều chỉnh giá đất, trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

b) Trường hợp đấu giá thuê đất trả tiền một lần cho cả thời gian thuê:

- Trường hợp diện tích tính thu tiền thuê đất của thửa đất hoặc khu đất đấu giá có giá trị (tính theo giá đất trong Bảng giá đất) dưới 10 tỷ đồng thì giá khởi điểm để đấu giá QSDĐ là giá đất cụ thể của thời hạn thuê đất do cơ quan tài chính xác định trên cơ sở giá đất có cùng mục đích sử dụng tại Bảng giá đất, hệ số điều chỉnh giá đất do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành, trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

- Trường hợp diện tích tính thu tiền thuê đất của thửa đất hoặc khu đất đấu giá có giá trị (tính theo giá đất trong Bảng giá đất) từ 10 tỷ đồng trở lên thì giá khởi điểm là giá đất cụ thể do Sở Tài nguyên và Môi trường xác định, chuyển cho Hội đồng thẩm định giá đất cụ thể của tỉnh do Sở Tài chính làm Thường trực Hội đồng để tổ chức thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

c) Trường hợp thời hạn thuê đất của thửa đất hoặc khu đất đấu giá nhỏ hơn thời hạn của loại đất có cùng mục đích sử dụng tại Bảng giá đất thì giá đất để xác định giá khởi điểm quy định tại Điểm này được xác định theo công thức sau:

$$\text{Giá đất để xác định giá khởi điểm} = \frac{\text{Giá đất tại Bảng giá đất (x)} \times \text{hệ số điều chỉnh giá đất}}{\text{Thời hạn của loại đất tại Bảng giá đất}} \times \text{Thời hạn thuê đất}$$

Thời hạn của loại đất tại Bảng giá đất theo quy định của Chính phủ về giá đất và các văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có).

d) Trường hợp đấu giá thuê đất xây dựng công trình ngầm (không phải là phần ngầm của công trình xây dựng trên mặt đất) thì giá khởi điểm được xác định bằng giá khởi điểm đấu giá QSDĐ thuê quy định tại Điểm a, Điểm b Khoản này nhân (x) với mức đơn giá thuê đất xây dựng công trình ngầm quy định tại Khoản 2, Điều 1 Quyết định số 29/2014/QĐ-UBND ngày 04/11/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái ban hành mức tỷ lệ phần trăm (%) để xác định đơn giá thuê đất; đơn giá thuê đất để xây dựng công trình ngầm; đơn giá thuê đất có mặt nước trên địa bàn tỉnh Yên Bái.

đ) Trường hợp đấu giá QSDĐ thuê đối với đất có mặt nước thuộc nhóm đất quy định tại Điều 10 Luật Đất đai được xác định như sau:

- Đối với phần diện tích đất không có mặt nước, giá khởi điểm đấu giá QSDĐ được xác định theo quy định tại Điểm a, Điểm b Khoản này.

- Đối với phần diện tích đất có mặt nước, giá khởi điểm đấu giá QSDĐ được xác định theo quy định tại Điểm a, Điểm b Khoản này nhân (x) với mức thu quy định tại Khoản 3 Điều 1 Quyết định số 29/2014/QĐ-UBND ngày 04/11/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái ban hành mức tỷ lệ phần trăm (%) để xác định đơn giá thuê đất; đơn giá thuê đất để xây dựng công trình ngầm; đơn giá thuê đất có mặt nước trên địa bàn tỉnh Yên Bái.

3. Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức thực hiện việc xác định giá khởi điểm để đấu giá QSDĐ gắn với tài sản thuộc sở hữu nhà nước theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công.

Điều 14. Lựa chọn và ký hợp đồng dịch vụ đấu giá QSDĐ

1. Căn cứ phương thức lựa chọn đơn vị thực hiện cuộc đấu giá trong phương án đấu giá QSDĐ đã được phê duyệt; đơn vị tổ chức thực hiện đấu giá QSDĐ có trách nhiệm ký hợp đồng dịch vụ đấu giá QSDĐ với tổ chức đấu giá đất được lựa chọn. Việc tổ chức đấu thầu rộng rãi để lựa chọn tổ chức đấu giá tài

sản theo phương án đã được phê duyệt được thực hiện theo quy định của pháp luật về đấu thầu.

2. Hợp đồng dịch vụ đấu giá QSDĐ được thực hiện theo quy định của pháp luật về dân sự, Luật Đấu giá tài sản, gồm những nội dung chính như sau:

a) Tên, địa chỉ của đơn vị tổ chức thực hiện việc đấu giá QSDĐ; của tổ chức đấu giá thực hiện cuộc đấu giá QSDĐ;

b) Vị trí, diện tích thửa đất đấu giá (trường hợp nhiều thửa đất thì lập phụ lục hồ sơ chi tiết đính kèm);

c) Giá khởi điểm của thửa đất đấu giá;

d) Thời gian, địa điểm thực hiện cuộc đấu giá;

đ) Đối tượng, điều kiện được tham gia đấu giá theo phương án đã được phê duyệt;

e) Hình thức đấu giá được áp dụng khi thực hiện cuộc đấu giá theo phương án đã được phê duyệt;

g) Mức thu, phương thức thu tiền bán hồ sơ cho người tham gia đấu giá, tiền đặt trước của người tham gia đấu giá; xử lý tiền bán hồ sơ, tiền đặt trước;

h) Thù lao dịch vụ đấu giá, chi phí đấu giá; phương thức, mức thanh toán và giải quyết chi phí thực hiện cuộc đấu giá;

i) Thời hạn, địa điểm và phương thức bàn giao hồ sơ và Biên bản kết quả thực hiện cuộc đấu giá;

k) Quyền và nghĩa vụ của các bên trong việc thực hiện hợp đồng.

Điều 15. Phê duyệt kết quả đấu giá QSDĐ

1. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc cuộc đấu giá, tổ chức đấu giá tài sản hoặc Hội đồng đấu giá QSDĐ chuyển kết quả đấu giá, biên bản đấu giá, danh sách người trúng đấu giá cho tổ chức thực hiện đấu giá QSDĐ.

Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận bàn giao hồ sơ và biên bản kết quả thực hiện cuộc đấu giá QSDĐ từ tổ chức thực hiện cuộc đấu giá QSDĐ, đơn vị tổ chức thực hiện đấu giá QSDĐ lập hồ sơ gửi cơ quan tài nguyên và môi trường để trình Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền đã quyết định đấu giá QSDĐ, ban hành quyết định công nhận kết quả trúng đấu giá QSDĐ.

2. Hồ sơ trình ban hành quyết định công nhận kết quả trúng đấu giá QSDĐ bao gồm:

- a) Dự thảo quyết định công nhận kết quả trúng đấu giá QSDĐ;
- b) Quyết định đấu giá QSDĐ của Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền;
- c) Hồ sơ thửa đất đấu giá;
- d) Hợp đồng dịch vụ đấu giá QSDĐ;
- đ) Báo cáo về việc tổ chức thực hiện cuộc đấu giá và Biên bản kết quả đấu giá, danh sách người trúng đấu giá QSDĐ.

3. Trong thời hạn 5 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền ký ban hành quyết định công nhận kết quả trúng đấu giá QSDĐ đã đấu giá thành gửi cơ quan tài nguyên và môi trường, đơn vị tổ chức thực hiện việc đấu giá QSDĐ, cơ quan thuế và người đã trúng đấu giá QSDĐ. Quyết định công nhận kết quả trúng đấu giá QSDĐ bao gồm các nội dung sau:

- a) Căn cứ pháp lý để ban hành quyết định;
- b) Vị trí, diện tích, mục đích, hình thức, thời hạn sử dụng đất và hạ tầng kỹ thuật, tài sản gắn liền với thửa đất (nếu có);
- c) Tên, địa chỉ của người trúng đấu giá QSDĐ;
- d) Số tiền trúng đấu giá QSDĐ và hạ tầng kỹ thuật, tài sản gắn liền với đất (nếu có); phương thức, địa điểm, thời gian phải nộp tiền trúng đấu giá;
- đ) Đơn vị thực hiện ký hợp đồng thuê đất và cấp Giấy chứng nhận QSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất trúng đấu giá;
- e) Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị có liên quan.

Điều 16. Nộp tiền sử dụng đất, tiền thuê đất

1. Trong thời hạn không quá 05 ngày làm việc kể từ ngày có Quyết định phê duyệt kết quả trúng đấu giá của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, người trúng đấu giá thực hiện kê khai Tờ khai lệ phí trước bạ (bản chính), Tờ khai thuế sử dụng đất phi nông nghiệp tương ứng với từng trường hợp theo quy định của pháp luật về quản lý thuế (bản chính) để nộp kèm theo Quyết định phê duyệt kết quả trúng đấu giá (bản sao) tại cơ quan Văn phòng Đăng ký đất đai và phát triển quỹ đất.

2. Trong thời hạn không quá 2 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ của người trúng đấu giá, cơ quan Văn phòng đăng ký đất đai và phát triển quỹ đất lập hồ sơ xác định nghĩa vụ tài chính và gửi cho cơ quan thuế trong trường hợp người trúng đấu giá không có khoản được trừ vào tiền sử dụng đất, tiền thuê đất phải nộp; đối với trường hợp người trúng đấu giá có khoản được trừ thì chuyển đồng thời cho cơ quan thuế và cơ quan tài chính. Hồ sơ gồm:

a) Phiếu chuyển thông tin để xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai theo Mẫu số 01/LCHS quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 88/2016/TTLT-BTC-BTNMT ngày 22/6/2016 của liên Bộ Tài chính và Bộ Tài nguyên và môi trường quy định về hồ sơ và trình tự, thủ tục tiếp nhận, luân chuyển hồ sơ xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai của người sử dụng đất (bản chính).

b) Tờ khai lệ phí trước bạ (bản chính), Tờ khai thuế sử dụng đất phi nông nghiệp tương ứng với từng trường hợp theo quy định của pháp luật về quản lý thuế (bản chính) của người trúng đấu giá.

c) Giấy tờ để xác định các khoản được trừ vào tiền sử dụng đất, tiền thuê đất phải nộp theo quy định tại Điều 8 Thông tư liên tịch số 88/2016/TTLT-BTC-BTNMT ngày 22/6/2016 của liên Bộ Tài chính và Bộ Tài nguyên và môi trường quy định về hồ sơ và trình tự, thủ tục tiếp nhận, luân chuyển hồ sơ xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai của người sử dụng đất (nếu có).

3. Cơ quan tài chính xác định các khoản mà người sử dụng đất được trừ vào tiền sử dụng đất, tiền thuê đất phải nộp và chuyển cho cơ quan thuế để xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai của người sử dụng đất đối với trường hợp phải xác định các khoản được trừ vào tiền sử dụng đất, tiền thuê đất phải nộp. Thời hạn không quá 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ từ cơ quan Văn phòng Đăng ký đất đai và Phát triển quỹ đất chuyển đến.

4. Đối với trường hợp nộp tiền giao đất, nộp tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê, cơ quan thuế xác định số tiền trúng đấu giá và các khoản nghĩa vụ tài chính khác phải nộp (Cục Thuế đối với trường hợp người trúng đấu giá là tổ chức; Chi cục Thuế nơi hộ gia đình, cá nhân có đất trúng đấu giá) để thông báo cho người trúng đấu giá, cơ quan Văn phòng Đăng ký đất đai và Phát triển quỹ đất, Kho bạc Nhà nước. Thời hạn không quá 05 ngày làm việc trong trường hợp không có khoản mà người sử dụng đất được trừ vào tiền sử dụng đất, tiền thuê đất phải nộp; không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được kết quả xác định các khoản mà người sử dụng đất được trừ theo quy định của pháp luật do cơ quan tài chính chuyển đến.

5. Đối với trường hợp nộp tiền thuê đất hàng năm, căn cứ vào hồ sơ do Văn phòng Đăng ký đất đai và Phát triển quỹ đất chuyển đến và văn bản của cơ quan tài chính xác định các khoản mà người sử dụng đất được trừ vào tiền thuê đất phải nộp, cơ quan thuế thực hiện:

a) Xác định đơn giá thuê đất hàng năm để cơ quan tài nguyên và môi trường ghi vào Hợp đồng thuê đất, thông báo số tiền thuê đất phải nộp và các

nghĩa vụ tài chính khác (nếu có) cho người trúng đấu giá theo quy định của pháp luật. Thời hạn không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ.

b) Trường hợp có khoản mà người trúng đấu giá được trừ vào tiền thuê đất phải nộp thì thực hiện xác định đơn giá thuê đất hàng năm để cơ quan tài nguyên và môi trường ghi vào Hợp đồng thuê đất, thông báo số tiền thuê đất phải nộp và các nghĩa vụ tài chính khác (nếu có) cho người trúng đấu giá theo quy định của pháp luật và xác nhận thời gian đã hoàn thành nghĩa vụ về tiền thuê đất hàng năm do người trúng đấu giá có khoản được trừ vào tiền thuê đất phải nộp. Thời hạn không quá 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ.

6. Kể từ ngày ký Thông báo nộp tiền của cơ quan Thuế, trong thời hạn không quá 30 ngày, người trúng đấu giá phải nộp 50% số tiền sử dụng đất hoặc tiền thuê đất theo Thông báo; trong vòng 60 ngày tiếp theo, người trúng đấu giá phải nộp 50% tiền sử dụng đất còn lại theo Thông báo tại Kho bạc nhà nước hoặc cơ quan được Kho bạc nhà nước ủy nhiệm thu.

Điều 17. Cấp giấy chứng nhận cho người trúng đấu giá

Căn cứ chứng từ nộp tiền và Thông báo nộp tiền của cơ quan thuế, trong thời hạn không quá 02 ngày làm việc cơ quan Văn phòng Đăng ký đất đai và Phát triển quỹ đất trình cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận QSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho người trúng đấu giá hoặc ký hợp đồng thuê đất theo quy định.

Căn cứ Hợp đồng thuê đất, trong thời hạn không quá 02 ngày làm việc cơ quan Văn phòng Đăng ký đất đai và Phát triển quỹ đất trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận cho người trúng đấu giá thuê đất theo quy định của pháp luật.

Điều 18. Bàn giao đất trên thực địa cho người trúng đấu giá

Trong thời hạn không quá 05 ngày làm việc kể từ ngày cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận QSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất trúng đấu giá, cơ quan tài nguyên và môi trường chủ trì, phối hợp với đơn vị tổ chức thực hiện việc đấu giá QSDĐ và Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn nơi có đất đấu giá, tổ chức thực hiện bàn giao đất trên thực địa và trao Giấy chứng nhận QSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho tổ chức, cá nhân đã trúng đấu giá QSDĐ; chỉ đạo đơn vị có liên quan thực hiện cập nhật, chỉnh lý cơ sở dữ liệu địa chính, hồ sơ địa chính theo quy định hiện hành.

Điều 19. Hủy Quyết định công nhận kết quả đấu giá QSDĐ

1. Hết thời hạn nộp tiền theo quy định tại Khoản 6, Điều 16 Quy định này mà người trúng đấu giá không nộp đủ số tiền sử dụng đất, tiền thuê đất theo Thông báo của cơ quan thuế, trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày hết thời hạn nộp tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, cơ quan thuế tổng hợp danh sách các trường hợp người trúng đấu giá không nộp hoặc nộp không đủ tiền sử dụng đất, tiền thuê đất vào ngân sách nhà nước, gửi thông báo đến cơ quan tài nguyên và môi trường cùng cấp làm căn cứ để trình hủy Quyết định công nhận kết quả trúng đấu giá QSDĐ.

Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo của cơ quan thuế, cơ quan tài nguyên và môi trường xem xét, trình cơ quan có thẩm quyền đã ban hành Quyết định công nhận kết quả trúng đấu giá QSDĐ để hủy Quyết định công nhận kết quả trúng đấu giá QSDĐ.

Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ trình hủy quyết định công nhận kết quả trúng đấu giá QSDĐ, cơ quan có thẩm quyền ra Quyết định hủy Quyết định công nhận kết quả trúng đấu giá QSDĐ.

2. Hồ sơ trình ban hành Quyết định hủy quyết định công nhận kết quả trúng đấu giá QSDĐ gồm có:

- a) Quyết định công nhận kết quả trúng đấu giá QSDĐ;
- b) Báo cáo của cơ quan tài nguyên và môi trường về việc người trúng đấu giá không nộp đủ tiền theo đúng yêu cầu;
- c) Tờ trình kèm theo dự thảo quyết định hủy quyết định công nhận kết quả trúng đấu giá QSDĐ.

3. Quyết định hủy Quyết định công nhận kết quả trúng đấu giá QSDĐ gồm các nội dung:

- a) Căn cứ pháp lý để ban hành quyết định;
- b) Vị trí, diện tích, mục đích, hình thức, thời hạn sử dụng đất và hạ tầng kỹ thuật, tài sản gắn liền với thửa đất (nếu có) đã được Quyết định phê duyệt công nhận trúng đấu giá;
- c) Tên, địa chỉ của người đã trúng đấu giá QSDĐ;
- d) Số tiền sử dụng đất hoặc tiền thuê đất người trúng đấu giá phải nộp; số tiền đã nộp; số tiền chưa nộp;

đ) Hình thức xử lý đối với số tiền đặt cọc và số tiền người trúng đấu giá QSDĐ đã nộp vào ngân sách ngoài tiền đặt cọc;

e) Các nội dung khác liên quan.

4. Khi hủy Quyết định công nhận kết quả trúng đấu giá QSDĐ, người trúng đấu giá không được hoàn trả lại khoản tiền đặt cọc, chỉ được hoàn lại số tiền sử dụng đất, tiền thuê đất ngoài tiền đặt cọc đã nộp theo quy định nhưng không được tính lãi suất, trượt giá.

Khoản tiền đặt cọc của người bị hủy Quyết định công nhận kết quả trúng đấu giá QSDĐ được nộp vào ngân sách nhà nước.

CHƯƠNG III TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 20. Chế độ báo cáo kết quả đấu giá QSDĐ

Vào ngày 15 của tháng cuối quý, các tổ chức thực hiện việc đấu giá QSDĐ quy định tại Khoản 1 Điều 3 Quy định này có trách nhiệm báo cáo kết quả thực hiện công tác đấu giá QSDĐ về Sở Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 21. Trách nhiệm của Sở, ngành và Ủy ban nhân dân cấp huyện

1. Sở Tư pháp

a) Hướng dẫn cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ tổ chức thực hiện việc đấu giá QSDĐ lựa chọn tổ chức đấu giá và đấu giá viên điều hành cuộc đấu giá QSDĐ.

b) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan kiểm tra, giám sát việc đấu giá QSDĐ.

c) Công bố danh sách các tổ chức đấu giá tài sản, đấu giá viên theo quy định.

d) Đề xuất xử lý các trường hợp vi phạm quy định về đấu giá QSDĐ.

đ) Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh đảm bảo cơ sở vật chất, điều kiện làm việc cho Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản theo quy định tại Điểm d Khoản 1 Điều 79 Luật Đấu giá tài sản.

e) Chỉ đạo Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản:

- Thực hiện nhiệm vụ đấu giá QSDĐ khi được giao; trực tiếp nộp tiền đặt cọc của người trúng đấu vào ngân sách theo quy định.

- Tiếp nhận, quản lý, sử dụng các trang thiết bị được cấp phục vụ cho hoạt động đấu giá tài sản theo quy định.

2. Sở Tài nguyên và Môi trường

a) Trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt phương án đấu giá QSDĐ theo quy định.

b) Xác định giá khởi điểm đấu giá QSDĐ để giao đất hoặc cho thuê đất, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định.

c) Thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định công nhận kết quả trúng đấu giá QSDĐ theo quy định.

d) Thông tin đầy đủ các dự án đấu giá QSDĐ trên trang thông tin điện tử của Sở.

đ) Chỉ đạo Văn phòng đăng ký đất đai và phát triển quỹ đất tỉnh tổ chức thực hiện nhiệm vụ đấu giá QSDĐ theo quy định.

3. Sở Tài chính

a) Chủ trì, phối hợp với Kế hoạch và Đầu tư cân đối nguồn vốn thực hiện các dự án: thu hồi đất, đền bù, giải phóng mặt bằng, xây dựng hạ tầng kỹ thuật vùng phụ cận (dự án hạ tầng kỹ thuật, xây dựng, chỉnh trang khu đô thị, khu dân cư nông thôn) để đấu giá QSDĐ.

b) Xác định, thẩm định giá khởi điểm đấu giá QSDĐ để giao đất hoặc cho thuê đất, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định.

c) Xác định các khoản mà người sử dụng đất (đối với tổ chức) được trừ vào tiền sử dụng đất, tiền thuê đất phải nộp theo quy định.

4. Sở Kế hoạch và Đầu tư

Phối hợp với Sở Tài chính tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh cân đối nguồn vốn cho các dự án phát triển quỹ đất trên địa bàn tỉnh để đấu giá QSDĐ theo quy định của Luật Đầu tư công và Luật Ngân sách.

5. Cục Thuế tỉnh

Chỉ đạo cơ quan thuế các cấp hướng dẫn người trúng đấu giá nộp tiền sử dụng đất, tiền thuê đất và các khoản nghĩa vụ tài chính liên quan đến đất đai theo kết quả trúng đấu giá được cấp có thẩm quyền phê duyệt; kiểm tra, đôn đốc, tổng hợp việc thu nộp tiền sử dụng đất, tiền thuê đất và các khoản nghĩa vụ tài chính liên quan theo kết quả trúng đấu giá; đề xuất xử lý các trường hợp vi phạm quy định về nộp tiền sử dụng đất, tiền thuê đất và các khoản nghĩa vụ tài chính phải nộp ngân sách nhà nước theo quy định.

6. Ủy ban nhân dân cấp huyện

a) Phê duyệt phương án, công nhận kết quả trúng đấu giá QSDĐ theo quy định.

- b) Tổ chức thực hiện việc đấu giá QSDĐ theo quy định.
- c) Thông tin đầy đủ các dự án đấu giá QSDĐ trên trang thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân cấp huyện.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Đỗ Đức Duy